

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27/5/2024.
“Về Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trung Tính và ông Nguyễn Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Thường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2024 về “Hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Doãn Thị T**, sinh năm 1988

Bị đơn: Anh **Nguyễn Tất T1** sinh năm 1987

Cùng cư trú tại: Khu T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình

(Chị **T2** đơn xin xét xử vắng mặt, anh **T1** vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị **Doãn Thị T** trình bày:*

Chị **Doãn Thị T** và anh **Nguyễn Tất T3** hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình

Về nguyên nhân ly hôn, **chị T4** rằng từ đầu năm 2023, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm sống, nhiều lần anh T1 uống rượu say, về nhà lời qua tiếng lại thì đánh đập vợ. Sau những lần cãi nhau, vợ chồng có ngồi lại nói chuyện với nhau, **chị T2** khuyên can nhưng anh T1 vẫn không thay đổi, nên **chị T5** định sống ly thân với anh T1 từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, **chị T6** đơn và giữ nguyên yêu cầu của mình đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1

Về con chung, **chị T7** **anh T1** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc U** ngày 29/12/2013 và cháu **Nguyễn Ngọc K** ngày 21/6/2017.

Thời gian vợ chồng sống ly thân, **chị T8** tiếp nuôi dưỡng các con. Nay vợ chồng ly hôn, **chị T9** muốn tiếp tục được trực tiếp nuôi cả 02 con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, **chị T10** yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm và tình cảm của anh T1 đối với các con.

Về tài sản và công nợ chung: **Chị T11** bày không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không nợ tổ chức tín dụng nào.

Đối với bị đơn (**anh T1**) có biết việc giải quyết ly hôn nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ, nhưng **anh T1** vẫn gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, từ đó không ghi được lời khai và ý kiến trình bày của **anh T1** và không tiến hành kiểm tra chứng cứ và không hòa giải được.

Những vấn đề thống nhất và không thống nhất:

Do **anh T1** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên hai bên không thống nhất được với nhau về việc **ly hôn, về việc nuôi con sau khi ly hôn; tài sản và công nợ chung.**

Kết quả xác minh: **Chị Doãn Thị T12** (chị gái chị T và chính quyền địa phương xác nhận, **chị T7** **anh T1** kết hôn với nhau tự nguyện. Quá trình chung sống **chị T7** **anh T1** có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 uống rượu say, về nhà lời qua tiếng lại thì đánh đập vợ.

Về con chung, **chị T7** **anh T1** có 02 con chung, từ nhỏ cũng như thời gian vợ chồng sống ly thân, đều do **chị T8** tiếp nuôi các cháu. Nay **chị T7** **anh T1** ly hôn, gia đình **chị T2** mong muốn được tiếp tục trông nom và nuôi dưỡng các cháu, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ chung: **Chị T12** xác nhận, **chị T7** **anh T1** không có tài sản chung và cũng không nợ ai.

Về thủ tục tổng đạt: Chị T2 và đại diện chính quyền địa phương đều xác nhận, **anh T1** được Tòa án tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản, nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại **khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.**

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (**anh T1**) đã được Tòa án nhiều lần tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T1 đều vắng mặt; chị **Doãn Thị T13** đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 177; 179; 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ.

- Về nội dung: Xét hôn nhân của **chị T và anh T1** mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, xử chấp nhận yêu cầu của **chị T** được ly hôn với **anh T1** là có căn cứ.

- Về con chung: **Chị T7 anh T14** con chung, anh T1 thường xuyên đi làm ăn xa. Quá trình giải quyết, anh T1 không chịu hợp tác để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con sau khi ly hôn. Nên giao cho chị **T15** người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý.

- Về tài sản và công nợ chung: Căn cứ vào lời khai của chị **T7** kết quả xác minh của Tòa án cho thấy chị **T7** anh T1 không có, nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên nguyên đơn (**chị T**) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn có hộ khẩu tại nơi có trụ sở Tòa án giải quyết tranh chấp, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng**

dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng, bị đơn (anh T1) trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ, nhưng cố tình không hợp tác; chị Doãn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 177; 179; 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là có căn cứ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Doãn Thị T16 anh Nguyễn Tất T3 hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, nhận thấy chị T16 anh T1 không còn hạnh phúc, mặc dù cả hai đều đã cố gắng nhưng không thay đổi, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị T17 với anh T1 là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T16 anh T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc U ngày 29/12/2013 và cháu Nguyễn Ngọc K ngày 21/6/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 đều không có mặt để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con sau khi ly hôn; thời gian vợ chồng sống ly thân, chị T8 tiếp nuôi dưỡng các con. Vì vậy, sau khi ly hôn giao cho chị T8 tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con là hợp lý. Trường hợp anh T1 có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

[4]. Về tài sản và công nợ chung: Chị T16 anh T1 không có. Do vậy, không đề cập giải quyết ở phần quyết định.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn (chị T) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227; 228; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của **chị Doãn Thị T18** với **anh Nguyễn Tất T1**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho **chị Doãn Thị T** được ly hôn với **anh Nguyễn Tất T1**.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, giao 02 cháu **Nguyễn Ngọc U** ngày 29/12/2013 và cháu **Nguyễn Ngọc K** ngày 21/6/2017 cho **chị Doãn Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, **chị T10** yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm và tình cảm của **anh T1** đối với các con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: **Chị Doãn Thị T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **chị T19** nộp, theo biên lai thu tiền số **0003158 ngày 27/02/2024** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: **Chị Doãn Thị T** và **anh Nguyễn Tất T20** mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- VKS ND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Chi cục THA-DS huyện Kim Bôi;
- UBND thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa

